

Số: 02/QĐ-THPTPVN

Ý Yên, ngày 10 tháng 01 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của trường THPT Phạm Văn Nghị

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ quyết định số: 1641/QĐ-SGDĐT ngày 28/12/2021 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 của trường THPT Phạm Văn Nghị (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ban giám hiệu nhà trường, bộ phận tài vụ và cán bộ công nhân viên chức tổ chức thực hiện Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Sở GD&ĐT
- Lưu :VT, KT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Văn Công

Đơn vị: Trường THPT Phạm Văn Nghị

Chương: 422

## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2022

(Quyết định số 06/QĐ-THPTPVN ngày 10/01/2022 của trường THPT Phạm Văn Nghị)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
1	Lệ phí	
2	Phí	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b>	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
1	Lệ phí	
2	Phí	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	9.814.000.000
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	9.814.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.814.000.000
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.614.000.000
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	200.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	



7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	



Số: 1641 /QĐ-SGDĐT

Nam Định, ngày 28 tháng 12 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

#### GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ ý kiến hiệp y của Sở Tài chính tại các phụ lục hiệp y kèm theo công văn số 2083/SGDDT-KHTC ngày 27/12/2021 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính về việc hiệp y phương án phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho Trường THPT Phạm Văn Nghị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Tổng số tiền: **10.202 Triệu đồng** (Mười tỷ, hai trăm lẻ hai triệu đồng).

#### Trong đó:

- Ngân sách nhà nước cấp: 9.814 Triệu đồng
  - Đơn vị tự đảm bảo từ nguồn cải cách tiền lương: 388 Triệu đồng
- (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2022 được giao, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Hiệu trưởng trường THPT Phạm Văn Nghị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu VT, KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Hồng



## SƠ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Quyết định số: 1641/QĐ-SGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2021  
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định)

Tên đơn vị: Trường THPT Phạm Văn Nghị

Nội dung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022	Số tiền (Triệu đồng)
<b>Tổng số dự toán điều hành:</b> Kinh phí chi sự nghiệp giáo dục Chương: 422. Loại khoản: 070-074 <b>Trong đó:</b>	<b>10.202</b>
- Kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước cấp:	9.614
- Kinh phí thường xuyên đơn vị tự đảm bảo từ nguồn cải cách tiền lương:	388
- Kinh phí không thường xuyên ngân sách nhà nước cấp:	200

Biên chế giao tạm thời năm 2022: 77 **Biên chế**

### Ghi chú:

1. Tổng số chi NSNN là số chi đơn vị được điều hành bao gồm kinh phí ngân sách nhà nước cấp và kinh phí các đơn vị tự đảm bảo từ nguồn cải cách tiền lương của đơn vị theo mức lương cơ sở 1.490 nghìn đồng và biên chế được giao, đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên (Trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, chưa bao gồm chi xây dựng cơ bản và chương trình mục tiêu.

2. Trong tổng chi NSNN đã bao gồm: Kinh phí chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ với mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí chi hoạt động; kinh phí ISO, ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị như: kinh phí thuê đường truyền chuyên dụng, trả phí thuê dịch vụ phần mềm, kinh phí duy trì công nghệ thông tin điện tử, trả tiền thuê dịch vụ phần mềm phục vụ giảng dạy tại các trường THPT...kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách khác do Trung ương và tỉnh ban hành đến thời điểm HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022.

3. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo đã bao gồm: Kinh phí tổ chức các kỳ thi; kinh phí dự thi, dự tuyển; kinh phí chi công tác y tế trong các trường học; kinh phí khen thưởng; đề án phổ biến giáo dục pháp luật; bồi dưỡng cán bộ quản lý;...; chưa bao gồm số thu đơn vị được để lại theo chế độ; Kinh phí không thường xuyên để tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học.

4. Đơn vị chủ động xác định và tạo nguồn cải cách tiền lương từ số thu được để lại theo quy định (Số thu học phí trích tối thiểu 40% để tạo nguồn cải cách tiền lương)./.